

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP BLACK CAT VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP BLACK CAT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM BLACK CAT SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109223526

3. Ngày thành lập: 15/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 40, phố Cửa Đông, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 32669845

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649(Chính)
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
4.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
5.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
7.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
8.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
9.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
10.	Sản xuất đường	1072
11.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
12.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
13.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
14.	Sản xuất chè	1076
15.	Sản xuất cà phê	1077
16.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
17.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
18.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
19.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
20.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
21.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
22.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399

23.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
24.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
25.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
26.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
27.	Sản xuất giày, dép	1520
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
33.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
34.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
35.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
36.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
37.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
38.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
39.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
40.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
41.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
42.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
43.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
44.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
46.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
47.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
48.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
49.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
50.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
51.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
52.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
53.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
54.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
55.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
56.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811

57.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
58.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
59.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
60.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
61.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
62.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
63.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
64.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
65.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
66.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
69.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
70.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
73.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
75.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
76.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
77.	Bán buôn thực phẩm	4632
78.	Bán buôn đồ uống	4633
79.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
80.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
81.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
82.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
83.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
84.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
85.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
86.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
87.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
88.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

89.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
90.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
91.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
92.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
93.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
94.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ bán lẻ súng, đạn, tem, tiền kim khí, vàng	4773
95.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
96.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
97.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
98.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
99.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
100.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Trừ hoạt động đấu giá ngoài cửa hàng	4799
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mười tỷ đồng

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÀNH THỊ THÙY LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 04/09/1985

Dân tộc: *Nùng*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 081044546

Ngày cấp: 25/09/2007

Nơi cấp: *Công an tỉnh Lạng Sơn*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4, ngõ Đồng Tiến, đường Lê Lợi, Phường Vĩnh Trại, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 06, ngách 23/210, phố Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội